TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 07-7-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Kiên Ngọc Minh
2. Ông Trần Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu, Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn Sơn, chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 đường T, phường Tr, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp cho ông Phạm Doãn S có ông Nguyễn Thanh Ph, chức vụ Giám đốc Chi nhánh T.

Địa chỉ: Số 272A, đường N, Khóm 6, Phường 7, thành phố T, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh Ph có ông Phan Dương Minh T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP B Chi nhánh T.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977

- Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp Trung Thiên, xã An Trường A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày: Ngày 29/10/2020 Ngân hàng TMCP B Chi nhánh T đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020456 với Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N số tiền cho vay: 100.000.000. đồng. Mục đích cho vay: Tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng,...). Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay. Gốc được trả định kỳ hàng tháng. Nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng áp dụng lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu trong suốt thời hạn cho vay.

Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T đã giải ngân cho khách hàng với dư nợ cao nhất là 100.000.000 đồng theo khế ước ngày 29/10/2020. Ngày đến hạn trả gốc: Vốn được trả định kỳ hàng tháng trong 48 tháng, tương ứng với 48 kỳ. Số tiền trả từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 47 là 2.090.000 đồng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền kỳ cuối: 1.770.000 đồng được trả vào ngày đáo hạn. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày: 25/11/2020. Kỳ hạn trả lãi được trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc.

Từ ngày 29/10/2020 đến ngày 25/3/2021 Bà Nguyễn Thị Đ và Ông Đỗ Văn N đã thanh toán cho ngân hàng với tổng số tiền là 14.562.697 đồng trong đó (vốn: 10.450.028 đồng, lãi trong hạn 4.101.788, lãi quá hạn 10.881 đồng). Từ nhày 26/3/2021 đến nay Bà Đ, ông Năm không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền tiếp. Dư nợ hiện tại: 89.549.972 đồng.

Ngày chuyển nợ:

+ Ngày 10/5/2021 từ nợ nhóm 1 chuyển sang nợ nhóm 2. Số tiền quá hạn:

+ Nợ gốc quá hạn tính đến ngày 07/7/2022: 89,549,951 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 07/7/2022: 12.774.924 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/7/2022: 3.657.398 đồng

• Tổng cộng: 98,644,537 đồng.

• Nhóm nợ hiện tại: Nhóm 4.

Quá trình đôn đốc, thu hồi nợ gọi điện thoại và đến nhà khách hàng làm việc nhiều lần với khách hàng và người thân khách hàng, khách hàng và người thân cam kết trả nợ nhưng chưa trả nợ. Trong suốt thời gian qua (từ 10/5/2021 đến nay), Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bằng văn bản yêu cầu Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và hợp

đồng thế chấp đã ký. Tuy nhiên, đến nay Bên vay vốn không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vay cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020456 ký ngày 29/10/2020 với tổng số tiền tính đến ngày 07/7/2022 là: 105.982.273 đồng. (Trong đó: Vốn gốc: 89,549,951 đồng, Nợ lãi trong hạn 12.774.924 đồng, nợ lãi quá hạn 3.657.398 đồng). Kể từ ngày 08/7/2022 Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020456 ký ngày 29/10/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[1.2] Đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N, Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cở sở xác định: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Trà Vinh và Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020456 ký ngày 29/10/2020. Căn cứ vào hợp đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Trà Vinh đã giải ngân cho Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N với số tiền vốn là 100.000.000 đồng, mục đích cho vay mua sắm đồ gia dụng. Sau khi nhận nợ thì Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N có thanh

toán đến ngày 25/3/2021 cho ngân hàng với tổng số tiền là 14.562.697 đồng trong đó (vốn: 10.450.028 đồng, lãi trong hạn 4.101.788, lãi quá hạn 10.881 đồng). Sau ngày 25/3/2021 Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cũng như vốn gốc cho Ngân hàng đúng hạn. Do Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu phải trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Liên Việt thấy rằng: Tại Điều 2 trong hợp đồng tín dụng đã ký kết các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 10%/năm, mức lãi suất này được tự động điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Liên Việt và phù hợp với quy định pháp luật; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Do Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

[2.3]. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng Liên Việt yêu cầu Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N trả số tiền vay còn nợ và lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngân hàng Liên Việt được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N.

2. Buộc Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền **105.982.237** đồng (Một trăm lẽ năm triệu chín trăm tám mươi hai ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 89.549.951 đồng; tiền lãi trong hạn là 12.774.924 đồng; tiền lãi quá hạn là 3.657.398 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD53B2020456 ký ngày 29/10/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Đỗ Văn N phải liên đới nộp số tiền 5.299.100 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi chín ngàn một trăm đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.466.500 (Hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0008501 phiếu lập ngày 17/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh ;
-VKSND huyện Càng Long;
-CCTHADS huyện Càng Long;
-Các đương sự;
-Lưu HS,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiên Ngọc Minh **Trần Trung Kiên** **Thạch Huỳnh Liêm**